



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA
TRANG
SEAFOODS –
F17

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS - F17
DN:
E=NHATRANGSEAFOODS@NHATRAN
GSEAFOODS.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4200567428, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS - F17,
L=KHÁNH HÒA, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021.04.05 16:42:28+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

- Lần thứ nhất ngày 01 tháng 02 năm 2005 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Lần thứ hai ngày 10 tháng 7 năm 2006 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Lần thứ ba ngày 16 tháng 4 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Lần thứ tư ngày 01 tháng 8 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Lần thứ năm ngày 06 tháng 8 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Lần thứ sáu ngày 01 tháng 8 năm 2011 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Lần thứ bảy ngày 17 tháng 4 năm 2013 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Lần thứ tám ngày 26 tháng 6 năm 2013 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Lần thứ chín ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Lần thứ mười ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (0258) 3 831 043

Fax : (0258) 3 831 034

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Ngô Văn Ích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm /miễn nhiệm
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Đào Thị Minh Hương

Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo pháp luật

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	kttv@a-c.com.vn
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam	kttv.hn@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	kttv.nt@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0131/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1



Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		718.692.166.618	602.030.726.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	187.379.463.840	116.616.382.617
1. Tiền	111		104.526.963.840	96.616.382.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		82.852.500.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.200.000.000	106.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	49.200.000.000	106.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361.826.978.371	254.108.227.235
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	291.533.589.130	187.305.830.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.046.829.159	7.869.659.923
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	58.163.480.321	60.864.677.780
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.916.920.239)	(1.931.941.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		91.573.537.086	111.900.403.866
1. Hàng tồn kho	141	V.7	91.573.537.086	111.900.403.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.712.187.321	13.205.712.971
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	14.196.890.990	971.149.445
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.515.296.331	12.234.563.526
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		451.756.980.393	391.707.871.717
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.221.544.003	10.712.762.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	11.221.544.003	10.712.762.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		140.032.732.339	143.499.849.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	126.993.862.383	131.224.704.290
- Nguyên giá	222		270.164.914.880	258.145.690.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.171.052.497)	(126.920.986.101)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.038.869.956	12.275.145.440
- Nguyên giá	228		14.978.937.376	13.787.811.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.940.067.420)	(1.512.666.236)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		122.383.380.531	39.951.300.415
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	122.383.380.531	39.951.300.415
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		159.248.590.241	171.418.590.241
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	47.800.000.000	47.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	26.358.536.950
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	110.448.590.241	94.580.053.291
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	1.000.000.000	2.680.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.870.733.279	26.125.369.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.870.733.279	26.125.369.328
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.170.449.147.011	993.738.598.406

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		715.267.068.144	625.657.061.181
I. Nợ ngắn hạn	310		715.267.068.144	625.657.061.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	193.169.974.652	207.726.671.902
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	379.895.851	998.253.411
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.425.403.837	1.468.003.176
4. Phải trả người lao động	314	V.15	15.150.980.000	15.663.062.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.029.356.904	3.235.417.061
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	7.617.245.559	4.674.928.307
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a, b	484.344.542.176	390.632.995.538
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	8.149.669.165	1.257.729.786
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		455.182.078.867	368.081.537.225
I. Vốn chủ sở hữu	410		455.182.078.867	368.081.537.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	238.224.679.327	151.124.137.685
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		151.124.137.685	151.124.137.685
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		87.100.541.642	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.170.449.147.011	993.738.598.406


 Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu


 Nguyễn Dân Tiến
 Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2021


 Đào Thị Minh Hương
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.289.247.433.281	1.133.220.201.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	172.693.523	4.572.679.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.289.074.739.758	1.128.647.522.300
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.153.482.195.476	990.909.632.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.592.544.282	137.737.890.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	106.031.103.137	28.764.344.910
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	31.885.558.141	16.700.607.750
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.864.524.276	10.567.217.487
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	70.107.766.839	66.458.663.543
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	35.688.753.675	46.551.314.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		103.941.568.764	36.791.649.115
11. Thu nhập khác	31	VI.8	551.780.621	558.828.827
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.444.437.167	1.119.089.939
13. Lợi nhuận khác	40		(2.892.656.546)	(560.261.112)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.048.912.218	36.231.388.003
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.269.944.733	3.671.020.138
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.778.967.485	32.560.367.865
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu

Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.048.912.218	36.231.388.003
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	19.507.874.388	16.695.986.488
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(15.021.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.520.589.586	767.257.785
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(83.782.355.065)	(20.809.231.338)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	10.864.524.276	10.567.217.487
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.144.524.403	43.452.618.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109.046.748.833)	67.005.801.435
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	20.326.866.780	(151.773.754)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.744.830.805)	(151.037.941.120)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(5.971.105.496)	(3.518.567.714)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.5	(10.884.175.900)	(10.511.071.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.200.000.000)	(5.897.679.590)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	8.340.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(2.786.486.464)	(4.014.652.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.161.956.315)	(64.664.926.560)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(112.982.247.274)	(71.555.278.658)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		804.545.454	357.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(53.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.680.000.000	64.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(10.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	106.762.460.214	26.598.739.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.254.758.394	(33.799.439.299)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	1.112.752.118.910	882.676.984.229
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(1.020.026.930.900)	(765.354.598.568)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(53.673.595.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.725.188.010	63.648.789.911
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		70.817.990.089	(34.815.575.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	116.616.382.617	151.439.008.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.908.866)	(7.049.888)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	187.379.463.840	116.616.382.617

Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu

Nguyễn Dân Tiến
 Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đào Thị Minh Hương
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm ngoái chủ yếu do tăng doanh thu tài chính – khoản cổ tức được chia từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 và Công ty Cổ phần Green World. Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã giảm khoản đầu tư Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin vào kết quả kinh doanh trong năm.

Ngoài ra, mặc dù doanh thu tăng do tăng sản lượng xuất khẩu, giá bán nhìn chung không tăng nhiều so với năm ngoái nhưng giá nguyên liệu đầu vào tăng cao nên lãi gộp năm nay lại giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	56,57%	56,57%	56,57%
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	66,53%	66,53%	66,53%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Quán cà phê 31024	Số 310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 765 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 881 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến các Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá do Công ty mẹ quy định (áp dụng tỷ giá 22.990 VND/USD).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất trả trước một lần, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí đền bù. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí đền bù

Chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (21 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.339.765.937	515.521.111
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.187.197.903	96.100.861.506
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	82.852.500.000	20.000.000.000
Cộng	187.379.463.840	116.616.382.617

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang (xem thuyết minh số V.18).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	49.200.000.000	49.200.000.000	106.200.000.000	106.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	49.200.000.000	49.200.000.000	106.200.000.000	106.200.000.000
Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	2.680.000.000	2.680.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Trái phiếu	-	-	2.680.000.000	2.680.000.000
Cộng	50.200.000.000	50.200.000.000	108.880.000.000	108.880.000.000

Toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	47.800.000.000	-	-	47.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	26.358.536.950	-	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	15.858.536.950	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin ^(iv)	-	-	-	10.500.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	110.448.590.241	-	825.814.100	94.580.053.291	-	499.551.800
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ^(v)	72.094.580.000	-	-	72.094.580.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(vi)	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.858.536.950	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(vii)	285.310.000	- 825.814.100	285.310.000	- 499.551.800
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	158.248.590.241	- 825.814.100	168.738.590.241	- 499.551.800

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700527019 lần 3 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT tương đương 66,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty nắm giữ 841.611 cổ phiếu tương đương 66,53% vốn điều lệ (số đầu năm là 841.611 cổ phiếu, tương đương 76,51% vốn điều lệ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900351972 lần 4 ngày 23 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 tương đương 56,57% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 15.840.000 cổ phiếu, tương đương 56,57% vốn điều lệ, tương đương 56,57% vốn thực tế đã góp của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 (số đầu năm là 15.840.000 cổ phiếu, tương đương 79,2% vốn điều lệ).
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201718380 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Green World Nha Trang tương đương 4,1% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ). Mặt khác, Công ty thông qua sở hữu chéo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F.89 đầu tư vào Công ty Cổ phần Green World Nha Trang với tỷ lệ vốn góp là 14,26% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày đầu năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã giảm khoản đầu tư này vào kết quả kinh doanh trong năm.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF tương đương 18,65% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,89% vốn điều lệ).
- (vi) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 7,57% vốn thực tế đã góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (vii) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Tại ngày kết thúc năm tài chính, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết:

Trong năm Công ty đã điều chỉnh giảm khoản đầu tư vào Cổ phần Bệnh viện Yersin theo Quyết định số 352/QĐ-F17 ngày 18/9/2020 do từ khi thành lập đến nay chưa có hoạt động và hiện nay không còn tồn tại. Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.355.451.113	1.143.694.613
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	28.320.000	44.489.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.094.585	41.920.000
Mua hàng nội địa	33.446.421.897	20.297.504.290
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89</i>		
Doanh thu bán vật tư	72.777.000	187.360.000
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	3.037.696.802	3.087.282.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	326.662.259	462.296.460
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	21.600.000	22.000.000
Nhập mua thành phẩm	59.321.108.911	9.611.921.990
Phí ủy thác xuất khẩu	1.241.234.020	320.016.500
Cổ tức được chia	53.064.000.000	-
Doanh thu cho thuê nhân công	2.442.574.000	430.392.000
Doanh thu bán thành phẩm ủy thác	47.334.739.017	18.236.955.000

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>70.521.668.003</i>	<i>24.322.884.701</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	750.875.402	3.886.154.140
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	16.272.000	422.613.200
Công ty Cổ phần Onsen	392.844.600	408.821.240
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89	68.022.324.590	18.439.023.875
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	1.313.120.419	1.136.202.800

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	9.000.000	12.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	17.230.992	18.069.446
Phải thu các khách hàng khác	221.011.921.127	162.982.946.070
Công ty Seafood Connection B.V	66.650.643.045	26.564.540.004
Công ty NTSF Company, Inc	27.133.287.227	25.815.038.815
Công ty Thalassa Seafoods NV	6.533.554.998	11.040.211.546
Công ty LP Foods Pte, Ltd	21.554.071.498	17.235.969.962
Các khách hàng khác	99.140.364.359	82.327.185.743
Cộng	291.533.589.130	187.305.830.771

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.869.816.500	1.869.816.500
Ông Ngô Văn Ích – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.869.816.500	1.869.816.500
Trả trước cho người bán khác	12.177.012.659	5.999.843.423
Công ty TNHH Gia Phong	-	2.186.786.287
Công ty Laitram Machinery, Inc	-	1.974.537.000
Công ty TNHH KONE Việt Nam	4.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.177.012.659	1.838.520.136
Cộng	14.046.829.159	7.869.659.923

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	184.691.834	-	11.718.289.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản				
NTSF - Chiết khấu bán hàng	52.909.192	-	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang				
Seafoods-F89 - Chiết khấu bán hàng	54.963.297	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT-				
Chiết khấu bán hàng	76.819.345	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản				
NTSF - Cổ tức được chia	-	-	11.711.278.000	-
Công ty Cổ phần Du Lịch				
Khoáng Nóng Nha Trang				
Seafoods F17	-	-	7.011.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	57.978.788.487	-	49.146.388.780	-
Tạm ứng	56.077.770.092	-	45.568.581.030	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi (dự thu)	663.129.520	-	1.757.320.425	-
Thuế TNCN còn phải thu	680.522.942	-	792.145.760	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	557.365.933	-	1.028.341.565	-
Cộng	58.163.480.321	-	60.864.677.780	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.221.544.003	-	10.712.762.003	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	-	4.500.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ^(iv)	71.544.003	-	62.762.003	-
Cộng	11.221.544.003	-	10.712.762.003	-

- (i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.
- (ii) Trong đó: Ký quỹ số tiền 4.500.000.000 VND thực hiện dự án “Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch - Thương mại và Trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17” và 500.000.000 VND thực hiện hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm với Công ty TNHH Tân Thịnh Phát cho dự án “Vùng nuôi Vạn Ninh”.
- (iii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.
- (iv) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thom tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		1.916.920.239	-		1.931.941.239	-
Công ty Aquatila - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Các khoản trả trước người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	142.424.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.931.941.239	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.931.941.239	1.931.941.239
Hoàn nhập dự phòng	(15.021.000)	-
Số cuối năm	1.916.920.239	1.931.941.239

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.577.009.152	-	8.452.882.851	-
Công cụ, dụng cụ	165.271.389	-	1.243.122.463	-
Thành phẩm	82.676.098.707	-	101.750.193.865	-
Hàng hóa	155.157.838	-	454.204.687	-
Cộng	91.573.537.086	-	111.900.403.866	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	8.802.093.832	-
Công cụ dụng cụ	4.500.202.551	491.849.136
Chi phí bảo hiểm	496.812.771	479.300.309
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	397.781.836	-
Cộng	14.196.890.990	971.149.445

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	18.390.733.279	18.904.513.543
Chi phí đền bù	480.000.000	510.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ	-	2.503.447.788
Chi phí sửa chữa	-	4.085.384.937
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	122.023.060
Cộng	18.870.733.279	26.125.369.328

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.822.366.019	160.254.728.816	30.633.217.201	435.378.355	258.145.690.391
Mua trong năm	-	8.230.647.988	6.639.478.182	-	14.870.126.170
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	44.323.089	-	414.363.736	458.686.825
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.900.000)	(2.345.688.506)	-	(3.309.588.506)
Số cuối năm	66.822.366.019	167.565.799.893	34.927.006.877	849.742.091	270.164.914.880

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.641.400.444	42.091.569.350	4.459.703.290	404.719.110	50.597.392.194
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	25.614.911.333	84.087.065.654	16.805.773.544	413.235.570	126.920.986.101
Khấu hao trong năm	3.442.733.217	12.765.877.855	2.813.299.946	58.562.186	19.080.473.204
Thanh lý	-	(528.806.250)	(2.301.600.558)	-	(2.830.406.808)
Số cuối năm	29.057.644.550	96.324.137.259	17.317.472.932	471.797.756	143.171.052.497
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	41.207.454.686	76.167.663.162	13.827.443.657	22.142.785	131.224.704.290
Số cuối năm	37.764.721.469	71.241.662.634	17.609.533.945	377.944.335	126.993.862.383
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 77.253.926.340 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.515.811.676	272.000.000	13.787.811.676
Mua sắm tài sản	-	100.000.000	100.000.000
Tăng trong năm	1.091.125.700	-	1.091.125.700
Số cuối năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.296.166.236	216.500.000	1.512.666.236
Khấu hao trong năm	394.401.184	33.000.000	427.401.184
Số cuối năm	1.690.567.420	249.500.000	1.940.067.420
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.219.645.440	55.500.000	12.275.145.440
Số cuối năm	12.916.369.956	122.500.000	13.038.869.956
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển Công cụ dụng cụ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	100.000.000	-	(100.000.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	39.851.300.415	89.786.026.393	(458.686.825)	(6.795.259.452)	122.383.380.531
<i>Dự án Trung tâm thương mại - 777 Lê Hồng Phong</i>	<i>31.372.897.576</i>	<i>54.583.262.698</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>85.956.160.274</i>
<i>Vùng nuôi Vạn Ninh</i>	<i>91.271.819</i>	<i>33.179.639.803</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>33.270.911.622</i>
<i>Các dự án khác</i>	<i>8.387.131.020</i>	<i>2.023.123.892</i>	<i>(458.686.825)</i>	<i>(6.795.259.452)</i>	<i>3.156.308.635</i>
Cộng	39.951.300.415	89.786.026.393	(558.686.825)	(6.795.259.452)	122.383.380.531

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>169.839.332.225</i>	<i>187.149.689.015</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	61.106.286.281	107.387.066.276
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	86.088.640.817	42.471.490.201
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	22.464.090.127	37.286.235.038
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	176.000.000	-
Công ty Cổ phần Onsen	4.315.000	4.897.500
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>23.330.642.427</i>	<i>20.576.982.887</i>
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	1.224.182.163	1.973.908.900
Các nhà cung cấp khác	22.106.460.264	18.603.073.987
Cộng	193.169.974.652	207.726.671.902

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Ally Sphere Food Corp.	378.882.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Á Châu	-	796.420.000
Các khách hàng khác	1.013.851	201.833.411
Cộng	379.895.851	998.253.411

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.914.109.561	(1.914.109.561)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	329.326.806	4.269.944.733	(1.200.000.000)	3.399.271.539
Thuế thu nhập cá nhân	1.130.584.370	1.752.210.350	(2.860.814.422)	21.980.298
Thuế tài nguyên	8.092.000	82.092.000	(86.032.000)	4.152.000
Tiền thuê đất	-	1.150.826.400	(1.150.826.400)	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	24.120.426	(24.120.426)	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	1.468.003.176	9.199.303.470	(7.241.902.809)	3.425.403.837

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo quy định tại khoản 5 điều 11 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.048.912.218	36.231.388.003
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.256.050.460	1.141.759.133
- Các khoản điều chỉnh giảm	(501.540.701)	(1.150.369.380)
Thu nhập chịu thuế	115.803.421.977	36.222.777.756
Thu nhập được miễn thuế	(88.635.739.000)	(11.711.278.000)
Thu nhập tính thuế	27.167.682.977	24.511.499.756
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.433.536.595	4.902.299.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.163.591.862)	(1.231.279.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.269.944.733	3.671.020.138

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Ngoài ra, Công ty chưa nộp tiền thuê đất năm 2020 cho thửa đất 02 - 04 Bãi Dương, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, số 05 Sinh Trung và số 58B đường 2/4, Nha Trang do chưa nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa chưa phê duyệt việc chuyển hình thức sử dụng từ đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm. Chi tiết tiền lương còn phải trả cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.506.131.000	3.580.418.000
Nhà máy F17	6.645.799.000	6.888.491.000
Nhà máy F90	4.658.231.000	4.643.011.000
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	340.819.000	551.142.000
Cộng	15.150.980.000	15.663.062.000

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	1.687.359.808	1.304.172.400
Chi phí lãi vay phải trả	569.146.786	588.798.410
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	772.850.310	1.342.446.251
Cộng	3.029.356.904	3.235.417.061

17. Phải trả ngắn hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	317.375	317.375
Thù lao Hội đồng quản trị	317.375	317.375
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.616.928.184	4.674.610.932
Kinh phí công đoàn	3.483.004.976	3.150.053.356
Bảo hiểm xã hội	19.279.485	20.308.085
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ xóa đói giảm nghèo	293.507.524	293.507.524
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	204.817.447	204.817.447
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.256.035.277	645.641.045
Cộng	7.617.245.559	4.674.928.307

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	484.344.542.176	390.632.995.538
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	142.508.538.586	154.109.713.752
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	234.207.082.255	152.840.233.241
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	98.450.380.935	83.683.048.545
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	9.178.540.400	-
Cộng	484.344.542.176	390.632.995.538

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ sổ dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng/giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	390.632.995.538
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.112.752.118.910
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	986.358.628
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.020.026.930.900)
Số cuối năm	484.344.542.176

18b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	832.791.361	6.774.898.090	(1.909.507.000)	5.698.182.451
Quỹ phúc lợi	424.938.425	2.903.527.753	(876.979.464)	2.451.486.714
Cộng	1.257.729.786	9.678.425.843	(2.786.486.464)	8.149.669.165

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	199.000.000.000	17.957.399.540	154.397.356.156	371.354.755.696
Lợi nhuận năm trước	-	-	32.560.367.865	32.560.367.865
Trích lập các quỹ	-	-	(4.589.986.086)	(4.589.986.086)
Chia cổ tức, lợi nhuận năm 2015, 2016, 2017	-	-	(31.243.600.250)	(31.243.600.250)
Số dư cuối năm trước	199.000.000.000	17.957.399.540	151.124.137.685	368.081.537.225
Số dư đầu năm nay	199.000.000.000	17.957.399.540	151.124.137.685	368.081.537.225
Lợi nhuận trong năm này	-	-	96.778.967.485	96.778.967.485
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	(9.678.425.843)	(9.678.425.843)
Số dư cuối năm nay	199.000.000.000	17.957.399.540	238.224.679.327	455.182.078.867

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Ngô Văn Ích	64.034.540.000	63.574.970.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	39.442.530.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	19.928.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	75.594.930.000	76.054.500.000
Cộng	199.000.000.000	199.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.900.000	19.900.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Công ty tạm trích quỹ khen thưởng từ 10% lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2020 số 493/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền 9.678.425.843 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 4.369.421,14 USD (số đầu năm là 3.913.819,4 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	836.370.791	633.943.770
Doanh thu bán thành phẩm	1.264.851.949.339	1.098.005.016.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.559.113.151	34.581.241.866
Cộng	1.289.247.433.281	1.133.220.201.885

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods - F17		
Doanh thu bán thành phẩm bán nội địa	186.250.910	434.402.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	655.352.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF</i>		-
Doanh thu bán hàng	17.280.000	13.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	7.256.364
<i>Công ty Cổ phần Onsen</i>		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	61.970.473	125.987.765
Doanh thu cho thuê nhân công	347.480.000	337.920.000
Doanh thu dịch vụ giặt bảo hộ lao động	19.634.999	51.551.363
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	-	6.350.000
<i>Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa</i>		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	27.272.727	55.454.547
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	4.406.811.985	2.672.441.800
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	2.436.522.788	1.886.768.126
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.745.454	375.952.410
Doanh thu cho thuê nhân công	41.290.000	-
<i>Công ty Cổ phần Green World Nha Trang</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	15.535.000	135.599.500
Doanh thu dịch vụ	15.664.538	28.376.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	172.693.523	144.990.742
Hàng bán bị trả lại	-	4.427.688.843
Cộng	<u>172.693.523</u>	<u>4.572.679.585</u>
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	541.669.745	571.036.645
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.143.515.565.654	975.352.151.765
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.424.960.077	14.986.443.682
Cộng	<u>1.153.482.195.476</u>	<u>990.909.632.092</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.114.572.309	9.155.336.181
Lãi trái phiếu	206.680.000	128.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.074.111.828	7.769.546.729
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.635.739.000	11.711.278.000
Cộng	<u>106.031.103.137</u>	<u>28.764.344.910</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.864.524.276	10.567.217.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.000.348.036	5.366.132.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.520.589.586	767.257.785
Giảm khoản đầu tư Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin	10.500.000.000	-
Chi phí tài chính khác	96.243	-
Cộng	31.885.558.141	16.700.607.750

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.106.682.666	12.435.077.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.269.425	960.072.855
Chi phí điện, điện thoại	6.799.483.523	7.830.423.975
Chi phí vận chuyển quốc tế	15.634.255.174	14.049.485.861
Chi phí vận chuyển nội địa	7.298.098.389	8.341.888.918
Chi phí hoa hồng môi giới	6.552.261.280	5.628.167.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.387.114.088	12.387.896.276
Các chi phí khác	10.364.602.294	4.825.650.894
Cộng	70.107.766.839	66.458.663.543

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.954.178.010	14.739.103.790
Chi phí vật liệu quản lý	351.794.624	261.465.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.088.205.753	2.167.532.693
Thuế, phí và lệ phí	1.609.237.446	1.980.665.536
Chi phí vụ kiện	1.621.410.000	8.862.698.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.539.569	560.190.340
Các chi phí khác	13.635.388.273	17.979.658.460
Cộng	35.688.753.675	46.551.314.710

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	325.363.756	-
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	104.852.562	410.411.182
Các khoản thu nhập khác	121.564.303	148.417.645
Cộng	551.780.621	558.828.827

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý chênh lệch kê khai thuế	2.573.515.157	-
Xử lý hàng hủy	414.005.529	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	185.566.843
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp thuế	234.213	37.766.323
Các khoản chi phí khác	456.682.268	895.756.773
Cộng	3.444.437.167	1.119.089.939

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	780.786.797.992	699.181.601.897
Chi phí nhân công	166.231.906.123	158.022.846.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.507.874.388	16.695.986.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.901.618.282	68.616.941.602
Chi phí khác	44.910.953.293	48.218.515.638
Cộng	1.078.339.150.078	990.735.892.033

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Công ty thanh toán cổ tức	-	13.958.497.794
Công ty thanh toán thù lao HĐQT	-	130.300.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Ngô Văn Ích - Giám đốc kiêm TV HĐQT	657.161.000	-	657.161.000
Ông Huỳnh Long Quân – Phó Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch	615.001.000	-	615.001.000
Bà Ngô Anh Phương Lan - Ủy viên HĐQT	243.204.000	-	243.204.000
Ông Nguyễn Phi Thương - Thành viên ban kiểm soát	405.814.000	-	405.814.000
Ông Trần Đình Kháng- Thành viên ban kiểm soát	345.737.000	-	345.737.000
Cộng	2.266.917.000	-	2.266.917.000

Năm trước

Ông Ngô Văn Ích – Giám đốc kiêm Chủ tịch	672.736.000	43.100.000	715.836.000
Ông Huỳnh Long Quân – Phó Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch	628.888.000	14.300.000	643.188.000
Ông Trần Thiện Tâm - Kế toán trưởng kiêm Ủy viên HĐQT	569.984.000	14.300.000	584.284.000
Bà Ngô Anh Phương Lan - Ủy viên HĐQT	205.939.000	-	205.939.000
Ông Nguyễn Phi Thương - Thành viên ban kiểm soát	417.625.000	10.000.000	427.625.000
Ông Trần Đình Kháng - Thành viên ban kiểm soát	358.333.000	-	358.333.000
Cộng	2.853.505.000	81.700.000	2.935.205.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Yến Sào Khánh Hòa Nha Trang	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods - F17		
Chi phí mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	1.608.992.538	2.228.769.083
Mua sắm tài sản cố định	1.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Onsen		
Chi phí mua nước uống đóng chai	165.567.504	299.817.608
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa		
Chi phí mua hàng hóa	11.563.636	136.716.273
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods		
Mua cổ phần	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Mua thành phẩm nội địa	59.653.096.160	65.811.966.891
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	170.125.265	21.777.478
Chi phí thuê xe	220.000.000	208.000.000
Cổ tức được chia	34.288.632.000	11.711.278.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Cổ tức được chia	1.271.156.000	-
Nhập kho hàng hóa	3.647.623	-
Chi phí mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	16.745.453	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng




Đào Thị Minh Hương
Chủ tịch HĐQT